

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /MYH23/VHU/QĐ ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)



Ngành: **Piano**
Piano Cổ điển/ Ứng dụng
Chuyên ngành: **Sản xuất âm nhạc**
Giảng dạy âm nhạc

Mã số ngành: **7210208**

Số tín chỉ tích lũy: **134**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
II. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					POL105
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
II2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			3	3	0	0	0	0	
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	3					
I3. Các học phần về Khoa học tự nhiên, Môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			18	18	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
3	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
4	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
5	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
6	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
I6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
B. PHẦN TỰ CHỌN			3	3	0	0	0	0	
❖ Nhóm tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)			3	3	0	0	0	0	
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
3	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
4	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			70	44	11	0	0	0	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			14	8	3	3	0	0	
1	ART364	Nhập môn ngành Piano	2	2					
2	ART366	Trải nghiệm ngành, nghề Piano	1			1			
3	ART378	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Piano	1	1					
4	ART481	Thực tập cơ sở Piano	2			2			
5	ART422	Hợp xướng 1	2	1	1				
6	ART423	Hợp xướng 2	2	1	1				ART422
7	ART379	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2	1	1				
8	ART380	Mỹ học âm nhạc	2	2					
II.2. Các học phần chuyên ngành			47	38	8	0	0	0	
1	ART430	Piano 1	3	2	1				
2	ART431	Piano 2	3	2	1				ART430
3	ART432	Piano 3	3	2	1				ART431
4	ART433	Piano 4	3	2	1				ART432
5	ART316	Ký xướng âm 1	3	3					
6	ART318	Ký xướng âm 2	3	3					ART316
7	ART320	Ký xướng âm 3	3	3					ART318
8	ART372	Ký xướng âm 4	2	2					ART320
9	ART428	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	2	2					
10	ART374	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2	1	1				
11	ART228	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	2	2					
12	ART371	Hòa âm 1	2	1	1				
13	ART373	Hòa âm 2	2	1	1				ART371
14	ART377	Biểu diễn ban nhạc	2	2					
15	ART319	Phân tích âm nhạc	2	1	1				
16	ART381	Ứng dụng Piano đệm	2	1	1				
17	ART301	Phương pháp sáng tác âm nhạc ứng dụng	2	2					
18	ART478	Thực hành dân dựng và biểu diễn âm nhạc	2	2					
19	ART425	Kỹ năng thị tấu	2	2					
20	ART443	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Piano)	2	2					
II.3. Các học phần chọn theo chuyên ngành			9	6	3	0	0	0	
Chuyên ngành 1: Piano Cổ điển/ Ứng dụng			9	6	3	0	0	0	
1	ART434	Piano 5	3	2	1				ART433
2	ART435	Piano 6	3	2	1				ART434
3	ART436	Piano 7	3	2	1				ART435
Chuyên ngành 2: Sản xuất âm nhạc			9	6	3	0	0	0	
1	ART471	Sản xuất âm nhạc 1	3	2	1				
2	ART472	Sản xuất âm nhạc 2	3	2	1				ART471
3	ART473	Sản xuất âm nhạc 3	3	2	1				ART472
Chuyên ngành 3: Giảng dạy âm nhạc			9	6	3	0	0	0	
1	ART401	Giảng dạy âm nhạc 1	3	2	1				
2	ART402	Giảng dạy âm nhạc 2	3	2	1				ART401

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
3	ART403	Giảng dạy âm nhạc 3	3	2	1				ART402
II.4. Các học phần tốt nghiệp			14	0	0	5	0	9	
1	ART502	TTTN Piano	5			5			ART481
2	ART558	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9					9	ART436
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						
7		Tin học chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						